

# **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ THIẾT BỊ TỰ ĐỘNG HÓA H2T**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ THIẾT BỊ TỰ ĐỘNG HÓA H2T

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: H2T TECHNICAL SERVICES AND AUTOMATION EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: H2TTSAE CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109124821

**3. Ngày thành lập:** 12/03/2020

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 43, phố Nhân Hòa, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976713866

Fax:

Email: [h2tcontrol@gmail.com](mailto:h2tcontrol@gmail.com)

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>Mã ngành</b> |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)  | 8299            |
| 2.         | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;                                                                                                                                                                         | 4649            |
| 3.         | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); | 4659            |
| 4.         | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                | 4663            |
| 5.         | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                   | 4752            |
| 6.         | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                         | 4329            |
| 7.         | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                         | 4933            |
| 8.         | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                         | 4330            |
| 9.         | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                             | 3312            |
| 10.        | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                 | 3313            |
| 11.        | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                 | 3314            |
| 12.        | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                | 3320            |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2710        |
| 14. | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2720        |
| 15. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2731        |
| 16. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2732        |
| 17. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2733        |
| 18. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2740        |
| 19. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2750        |
| 20. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2511        |
| 21. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2512        |
| 22. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2513        |
| 23. | <p>Sản xuất thiết bị điện khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn;</li> <li>- Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện;</li> <li>- Sản xuất chuông điện;</li> <li>- Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện;</li> <li>- Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa);</li> <li>- Sản xuất máy đổi điện trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục;</li> <li>- Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS);</li> <li>- Sản xuất máy triệt sự trào;</li> <li>- Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện;</li> <li>- Sản xuất điện cực cacbon và graphit, kết nối, các sản phẩm cacbon và graphit điện khác;</li> <li>- Sản xuất máy thực hành gia tốc;</li> <li>- Sản xuất tụ điện, điện trở, và các thiết bị tương tự, máy gia tốc;</li> <li>- Sản xuất súng cầm tay hàn sắt;</li> <li>- Sản xuất nam châm điện;</li> <li>- Sản xuất còi báo động;</li> <li>- Sản xuất bảng ghi tỉ số điện tử;</li> <li>- Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành;</li> </ul> | 2790(Chính) |
| 24. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2813        |
| 25. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2817        |
| 26. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2819        |
| 27. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2592        |
| 28. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2593        |
| 29. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2599        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322 |
| 33. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                        | 2591 |
| 34. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 35. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 36. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 37. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 38. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 39. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                     | 4610 |
| 40. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 41. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 42. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690 |
| 43. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thông tin, truyền thông; Công trình văn hóa;                                                         | 4229 |
| 44. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651 |
| 45. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM THỊ LUÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh:

Sinh ngày: 01/09/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 163356539

Ngày cấp: 16/02/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 11, Xã Trục Thắng, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 64, ngõ 1 phố Đại Linh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội